

Nguyễn Trường Thái
MỨC ĐỘ 1 - NHẬN BIẾT

**100 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM PHẦN ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN & DÂN CƯ CÓ KHẢ NĂNG RƠI VÀO
ĐỀ THI 90%**

Theo thống kê, phân tích và tìm hiểu thì những câu trong phần nhận biết của các đề thi (kiểm tra, thi HK, đề minh họa, đề thử nghiệm,...) đều có những câu dưới đây hoặc sửa đổi lại nhưng vẫn dựa trên ý của những câu đây. Dưới đây là một số câu NHẬN BIẾT của từng bài phần tự nhiên và dân cư. Các bạn tham khảo nhé!

Câu 1. Nội thủy là

- A. vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.
- B. vùng nước tiếp giáp với đất liền, phía trong đường cơ sở.
- C. vùng nước cách đường cơ sở 12 hải lí.
- D. vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

Câu 2. Trên đất liền, các điểm cực Bắc, cực Nam, cực Tây, cực Đông của nước ta lần lượt thuộc các tỉnh

- A. Hà Giang, Cà Mau, Khánh Hòa, Điện Biên.
- B. Hà Giang, Điện Biên, Cà Mau, Khánh Hòa.
- C. Hà Giang, Cà Mau, Điện Biên, Khánh Hòa.
- D. Hà Giang, Khánh Hòa, Điện Biên, Cà Mau.

Câu 3. Lãnh hải là

- A. vùng nước cách đường cơ sở 24 hải lí.
- B. vùng nước tiếp giáp với đất liền, phía trong đường cơ sở.
- C. vùng nước cách đường cơ sở 12 hải lí.
- D. vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

Câu 4. Vùng đặc quyền kinh tế là

- A. vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.
- B. vùng nước tiếp giáp với đất liền, phía trong đường cơ sở.
- C. vùng nước cách đường cơ sở 12 hải lí.
- D. vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

Câu 5. Vùng biển nào mà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, nhập cư... ?

- A. Nội thủy.
- B. Lãnh hải.
- C. Tiếp giáp lãnh hải.
- D. Đặc quyền kinh tế.

Câu 6. Ranh giới quốc gia trên biển là

- A. ranh giới nội thủy.
- B. ranh giới lãnh hải.
- C. ranh giới tiếp giáp lãnh hải.
- D. ranh giới đặc quyền kinh tế.

Câu 7. Hệ tọa độ địa lí trên đất liền (cực Bắc, cực Nam, cực Tây, cực Đông) của nước ta là

- A. 23°23'B, 8°34'B, 102°09'Đ, 109°24'Đ.
- B. 8°34'B, 23°23'B, 102°09'Đ, 109°24'Đ.
- C. 23°23'B, 8°34'B, 109°24'Đ, 102°09'Đ.
- D. 109°24'Đ, 102°09'Đ, 8°34'B, 23°23'B.

Câu 8. Điểm phía bắc của đường bờ biển nước ta bắt đầu từ

- A. Cái Bàu (Quảng Ninh).
- B. Cẩm Phả (Quảng Ninh).
- C. Móng cái (Quảng Ninh).
- D. Hạ Long (Quảng Ninh).

Câu 9. Đặc điểm nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

- A. có địa hình cao nhất nước ta.
- B. có 3 mạch núi lớn hướng tây bắc – đông nam.
- C. đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
- D. gồm các dãy núi song song và so le hướng tây bắc – đông nam.

Câu 10. Hướng núi vòng cung ở nước ta điển hình ở vùng

- A. Tây Bắc và Đông Bắc.
- B. Đông Bắc và Trường Sơn Nam.
- C. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
- D. Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.

Câu 11. Hướng núi tây bắc- đông nam ở nước ta điển hình ở vùng

- A. Tây Bắc và Đông Bắc.
- B. Đông Bắc và Trường Sơn Nam.
- C. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
- D. Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.

Câu 12. Địa hình nước ta chủ yếu theo hướng

- A. đông bắc - tây nam.
- B. vòng cung và tây nam - đông bắc.
- C. tây bắc - đông nam.
- D. tây bắc - đông nam và hướng vòng cung.

Câu 13. Bốn vùng thuộc vùng núi nước ta là

- A. Đông Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên và Trường Sơn Bắc.
- B. Trường Sơn Bắc, Tây Bắc, Việt Bắc và Trường Sơn Nam.
- C. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
- D. Đông Nam Bộ, Đông Bắc, Tây Bắc, và Trường Sơn Nam.

Câu 14. Ranh giới giữa Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam là

- A. dãy Tam Đảo.
- B. dãy Hoành Sơn.
- C. dãy Bạch Mã.
- D. dãy Hoàng Liên Sơn.

Câu 15. Bán bình nguyên thể hiện rõ nhất ở vùng nào

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đông Bắc.
- C. Tây Nguyên.
- D. Tây Bắc.

Câu 16. Khu vực đồi núi cao nhất nước ta tập trung ở

- A. Đông Bắc.
- B. Tây Bắc.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D. Trường Sơn Nam.

Câu 17. Đồng bằng có diện tích lớn nhất nước ta

- A. đồng bằng sông Hồng.
- B. đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ.
- C. đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ.
- D. đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 18. Thiên tai gây hậu quả nặng nề ở đồng bằng duyên hải miền Trung là

- A. xói mòn.
- B. động đất.
- C. sạt lở.
- D. bão.

Câu 19. Đặc điểm của đồng bằng sông Hồng.

- A. nhỏ hẹp do phù sa biển bồi đắp.
- B. bề mặt bị chia cắt thành nhiều ô.
- C. thấp phẳng và rộng nhất nước.
- D. được phù sa bồi đắp hàng năm.

- Câu 20.** Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp lớn nhất nước ta về
- A. cây ăn quả, cây lương thực.
 - B. cây lương thực, cây công nghiệp.
 - C. chăn nuôi gia súc lớn và nuôi trồng thủy sản.
 - D. chăn nuôi gia súc lớn và gia cầm.
- Câu 21.** Vùng trong đê của đồng bằng sông Hồng không bồi đắp phù sa hằng năm do
- A. do có đê ven sông ngăn lũ.
 - B. nguồn phù sa của sông Hồng ít.
 - C. hạn hán kéo dài gây thiếu nước.
 - D. hệ thống sông ngòi ít.
- Câu 22.** Đồng bằng có 2/3 diện tích đất bị nhiễm phèn và nhiễm mặn là
- A. đồng bằng sông Hồng.
 - B. đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ.
 - C. đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ.
 - D. đồng bằng sông Cửu Long.
- Câu 23.** Đặc điểm chính của đồng bằng ven biển miền Trung là
- A. địa hình nhỏ hẹp, bị chia cắt, đất cát pha.
 - B. địa hình rộng lớn, đất cát pha.
 - C. địa hình bị chia cắt mạnh, đất phù sa màu mỡ.
 - D. địa hình nhỏ hẹp, đất phù sa mùa mưa.
- Câu 24.** Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm là
- A. địa hình bị chia cắt thành nhiều ô.
 - B. có hệ thống các đê ven sông.
 - C. có mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt.
 - D. có các bậc ruộng cao bạc màu.
- Câu 25.** Nhờ Biển Đông mà khí hậu nước ta có đặc tính
- A. nhiệt đới ẩm gió mùa.
 - B. thiên nhiên phân hóa rõ rệt
 - C. hải dương điều hoà.
 - D. khí hậu khô nóng
- Câu 26.** Biển Đông là vùng biển
- A. có đặc tính nóng ẩm
 - B. ít chịu ảnh hưởng gió mùa
 - C. làm cho khí hậu đa dạng.
 - D. mở rộng ra Thái Bình Dương
- Câu 27.** Biển Đông có các dạng địa hình ven biển thuận lợi xây dựng các hải cảng là
- A. các bờ biển mài mòn.
 - B. các vũng vịnh nước sâu
 - C. tam giác châu với bãi triều rộng.
 - D. các đảo ven bờ
- Câu 28.** Hệ sinh thái chiếm diện tích lớn ở ven biển nước ta là
- A. rừng ngập mặn.
 - B. sinh vật nước lợ
 - C. các rạn san hô.
 - D. sinh vật trên đất phèn
- Câu 29.** Tài nguyên quý giá ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là
- A. các rạn san hô.
 - B. dầu khí
 - C. sa khoáng.
 - D. muối
- Câu 30.** Thiên tai bất thường khó phòng tránh xảy ra ở vùng biển nước ta gây hậu quả nghiêm trọng là
- A. lũ lụt.
 - B. sạt lở bờ biển
 - C. bão.
 - D. cát bay

- Câu 31.** Hiện tượng cát bay, cát chảy diễn ra mạnh nhất ở vùng nào?
A. Đồng bằng sông Hồng. B. Ven biển miền Trung
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long
- Câu 32.** Khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất của vùng biển nước ta là
A. muối. B. dầu khí. C. cát. D. sa khoáng.
- Câu 33.** Biểu hiện nào sau đây **không đúng** về tính chất nhiệt đới của nước ta?
A. Nhiệt độ trung bình trên 20°C
B. Cán cân bức xạ luôn dương
C. Số giờ nắng cao
D. Cân bằng ẩm luôn dương
- Câu 34.** Lượng mưa trung bình năm của nước ta dao động từ
A. 500-1000mm. B. 1500-2000mm.
C. 2000-2500mm. D. 3500-4000mm.
- Câu 35.** Gió mùa Tây Nam ở nước ta hoạt động trong khoảng thời gian
A. Từ tháng VII-IX. B. Từ tháng V-VII.
C. Từ tháng VI-VIII. D. Từ tháng V-X
- Câu 36.** Gió mùa Đông Bắc ở nước ta hoạt động trong khoảng thời gian
A. Từ tháng XI- IV. B. Từ tháng IV-X.
C. Từ tháng VI-VIII. D. Từ tháng V-X
- Câu 37.** Đặc điểm nhiệt độ trung bình năm trên lãnh thổ nước ta là
A. giảm dần từ Bắc vào Nam. B. tăng dần từ Bắc vào Nam.
C. giảm dần từ Tây sang Đông. D. tăng dần từ Tây sang Đông.
- Câu 38.** Khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới là do vị trí
A. tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.
B. nằm gần trung tâm gió mùa Châu Á.
C. nằm ở bán cầu Bắc.
D. nằm trong vùng nội chí tuyến.
- Câu 39.** Tính chất của gió mùa mùa Đông là
A. lạnh ẩm ,có mưa nhiều. B.nóng ẩm , mưa nhiều.
C. nóng khô ,ít mưa. D. lạnh khô,ít mưa.
- Câu 40.** Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa ở vùng
A. Nam Bộ. B. Tây Nguyên và Nam Bộ.
C. Phía Nam đèo Hải Vân. D. Trên cả nước.
- Câu 41.** Biểu hiện của địa hình xâm thực mạnh ở miền núi là
A. diện tích rừng giảm mạnh. B. nước sông chảy mạnh.
C. hiện tượng đất trượt, đá lở. D. bề mặt địa hình được bồi tụ.
- Câu 42.** Đất hình thành ở miền khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa chủ yếu là
A. đất phù sa. B. đất mặn. C. đất phèn. D. đất pheralit.
- Câu 43.** Hệ sinh thái rừng đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa là
A. rừng lá rụng.
B. rừng lá kim
C. rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh.
D. rừng cận nhiệt và ôn đới

- Câu 44.** Đồng bằng Sông Hồng quá trình bồi tụ diễn ra mạnh ở
A. phía đông nam. B. phía tây nam.
C. phía nam. D. phía đông.
- Câu 45.** Đồng bằng Sông Cửu Long quá trình bồi tụ diễn ra mạnh ở
A. phía đông nam. B. phía tây nam.
C. phía nam. D. phía đông.
- Câu 46.** Chỉ tính các con sông có chiều dài trên 10 km, thì nước ta có
A. 2360. B. 3260. C. 4600. D. 2100.
- Câu 47.** Loại đất đặc trưng cho vùng đồi núi thấp Việt Nam
A. đất pheralit. B. đất phù sa.
C. đất xám phù sa cổ. D. đất mùn thô.
- Câu 48.** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ảnh hưởng mạnh nhất đến ngành kinh tế
A. nông nghiệp. B. công nghiệp.
C. du lịch. D. giao thông vận tải.
- Câu 49.** Giới hạn thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc từ
A. dãy Bạch Mã trở vào. B. dãy Bạch Mã trở ra.
C. dãy Hoành Sơn trở vào. D. dãy Hoành Sơn trở ra.
- Câu 50.** Câu nào sau đây **không đúng** khi nói về phần lãnh thổ phía Nam?
A. Khí hậu cận xích đạo gió mùa. B. Nhiệt độ trung bình lớn hơn 20°C.
C. Biên độ nhiệt năm lớn. D. Không có tháng lạnh dưới 20°C.
- Câu 51.** Vùng đồng bằng nào vào mùa đông trồng được rau ôn đới?
A. Đồng bằng Thanh - Nghệ - Tĩnh. B. Đồng bằng Nam Bộ.
C. Đồng bằng Bắc Bộ. D. Đồng bằng Nam – Ngãi - Định.
- Câu 52.** Từ Đông sang Tây thiên nhiên nước ta có sự phân hóa thành
A. vùng biển và thềm lục địa, đồng bằng ven biển, đồi núi.
B. vùng đồi núi, đồng bằng ven biển, biển và thềm lục địa.
C. vùng đồng bằng ven biển, đồi núi, biển và thềm lục địa.
D. vùng đồng bằng ven biển, biển và thềm lục địa, đồi núi.
- Câu 53.** Địa hình hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ là đặc điểm tiêu biểu của vùng
A. đồng bằng Bắc Bộ. B. Đông Nam Bộ.
C. đồng bằng ven biển Trung Bộ. D. đồng bằng sông Cửu Long.
- Câu 54.** Nhiệt độ trung bình phần lãnh thổ phía Nam (°C)
A. 18 – 20. B. 20 -22. C. 22 -24. D. Trên 25.
- Câu 55.** Kiểu khí hậu đặc trưng của thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc:
A. nhiệt đới gió mùa.
B. cận xích đạo gió mùa
C. nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
D. ôn đới gió mùa.
- Câu 56.** Thềm lục địa phía Bắc và phía Nam có đặc điểm
A. nông và hẹp. B. nông và rộng.
C. sâu và rộng. D. sâu và hẹp.
- Câu 57.** Ở miền Bắc đai nhiệt đới gió mùa có độ cao
A. dưới 600 -700m. B. từ 600 -700m đến 2600m.

C. từ 900 - 1000m đến 2600m. D. từ 2600m trở lên.

Câu 58. Loại khoáng sản có trữ lượng lớn ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

A. sắt. B. thiếc. C. than. D. dầu khí.

Câu 59. Vùng có đủ ba đai cao ở nước ta là

A. Đông Bắc B. Trường Sơn Bắc
C. Tây Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 60. Đất mùn thô có chủ yếu ở đai

A. nhiệt đới gió mùa B. cận nhiệt đới gió mùa trên núi
C. ôn đới gió mùa trên núi D. nhiệt đới ẩm gió mùa

Câu 61. Trong đai nhiệt đới gió mùa nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất là

A. đất phù sa. B. đất feralit. C. đất phèn. D. đất mặn

Câu 62. Giới hạn phía bắc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. dãy Bạch Mã. B. dãy Hoàng Sơn.
C. sông Cả. D. dãy Tam Điệp.

Câu 63. Ranh giới phía tây, tây nam miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ

A. tả ngạn sông Hồng. B. hữu ngạn sông Hồng.
C. sông Cả. D. sông Mã.

Câu 64. Các thiên tai thường xảy ra ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

A. bão lũ, trượt lở đất, hạn hán. B. ngập lụt vào mùa mưa.
C. thiếu nước vào mùa khô. D. động đất.

Câu 65. Biện pháp bảo vệ rừng sản xuất ở nước ta là

A. thành lập thêm các Vườn quốc gia, các khu bảo tồn.
B. duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.
C. bảo vệ cảnh quan và đa dạng sinh vật.
D. tăng cường quản lí vốn rừng.

Câu 66. Trong những năm gần đây, tỉ lệ độ che phủ rừng nước ta có xu hướng

A. không tăng. B. tăng lên. C. giảm đi. D. tăng, giảm không ổn định

Câu 67. Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp là

A. thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc.
B. sử dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.
C. thâm canh nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
D. ngăn chặn nạn du canh du cư.

Câu 68. Vai trò chính của rừng đầu nguồn là

A. bảo tồn nguồn gen sinh vật.
B. điều hòa nguồn nước cho các hồ thủy điện.
C. điều hòa nguồn nước giữ đất.
D. tham quan du lịch.

Câu 69. Theo qui hoạch đến năm nào Nhà nước và nhân dân hoàn thành mục tiêu trồng mới 5 triệu ha rừng?

A. 2005. B. 2010. C. 2015. D. 2020.

Câu 70. 70% diện tích rừng của nước ta là

A. rừng giàu và trung bình. B. rừng phòng hộ
C. rừng đặc dụng. D. rừng nghèo và rừng mới phục hồi.

Câu 71. Đâu là biểu hiện suy thoái đất ở đồng bằng của nước ta

- A. đất bị ô nhiễm và canh tác quá mức
- B. đất bị bạc màu tro sỏi đá
- C. đất bị xói mòn, rửa trôi, xâm thực
- D. đất trống, đồi núi trọc gia tăng

Câu 72. Tình trạng mất cân bằng sinh thái nước ta biểu hiện ở

- A. không khí ngày càng bị ô nhiễm.
- B. gia tăng bão lụt, hạn hán và sự thất thường về thời tiết, khí hậu.
- C. ô nhiễm nguồn nước trên mặt ngày càng nặng nề.
- D. ô nhiễm nguồn nước ngầm.

Câu 73. Mùa bão ở nước ta bắt đầu và kết thúc vào thời gian nào?

- A. từ tháng VIII đến tháng X.
- B. từ tháng IV đến tháng IX.
- C. từ tháng VI đến tháng XI.
- D. từ tháng VI đến tháng IX.

Câu 74. Vùng nào ở nước ta thường xuyên chịu thiệt hại nặng nề nhất của bão?

- A. ven biển Bắc Bộ.
- B. ven biển Nam Trung Bộ.
- C. ven biển Nam Bộ.
- D. ven biển Bắc Trung Bộ.

Câu 75. Tần xuất của bão cao nhất vào

- A. tháng VII.
- B. tháng VIII.
- C. tháng IX.
- D. tháng X.

Câu 76. Mùa bão ở nước ta có đặc điểm là

- A. ở miền Bắc muộn hơn miền Nam.
- B. ở miền Trung sớm hơn miền Bắc.
- C. chậm dần từ Nam ra Bắc.
- D. chậm dần từ Bắc vào Nam.

Câu 77. Ở nước ta, lũ quét thường xảy ra ở những vùng nào?

- A. vùng núi phía Bắc.
- B. đồng bằng sông Hồng.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 78. Ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long do

- A. mưa lớn, triều cường.
- B. mưa trên diện rộng.
- C. sông lớn, mặt đất thấp.
- D. có đê sông, đê biển bao bọc.

Câu 79. Khu vực có hoạt động động đất mạnh nhất ở nước ta là

- A. Đông Bắc.
- B. Tây Bắc.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D. Trường Sơn Nam.

Câu 80. Về số dân, năm 2006 nước ta đứng thứ ba ở Đông Nam Á sau các nước

- A. Ấn Độ và Malayxia.
- B. Philipin và Thái Lan.
- C. Ấn Độ và Thái Lan.
- D. Ấn Độ và Philipin.

Câu 81. Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta?

- A. Đông dân, nhiều thành phần dân tộc.
- B. Dân số tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ.
- C. Phân bố dân cư chưa hợp lí.
- D. Phân bố dân cư hợp lí.

Câu 82. Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta năm 2006 là

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đông Nam Bộ

Câu 83. Thực trạng nào sau đây **không đúng** với sự phân bố dân cư nước ta?

- A. Tập trung đông ở đồng bằng, thưa thớt ở trung du, miền núi.
- B. Tập trung đông ở nông thôn, ít ở thành thị.

C. Dân cư nông thôn giảm, thành thị tăng.

D. Dân cư nông thôn và thành thị đều tăng.

Câu 84. Dân số nước ta tăng nhanh vào cuối thế kỉ thứ XX dẫn đến hiện tượng

A. già hóa dân số.

B. bùng nổ dân số.

C. dân nhập cư tăng.

D. dân cư phân bố không đều.

Câu 85. Nhận định nào sau đây **đúng** với sự phân bố dân cư nước ta?

A. Dân cư tập trung chủ yếu ở thành thị.

B. Dân cư tập trung chủ yếu ở miền núi.

C. Dân cư thưa thớt ở đồng bằng.

D. Dân cư tập trung đông ở đồng bằng.

Câu 86. Dân cư nước ta phân bố chủ yếu ở đâu?

A. Đồng bằng.

B. Trung du.

C. Núi cao.

D. Cao nguyên

Câu 87. Năm 2006, dân số Việt Nam có vị trí như thế nào?

A. Thứ 3 Đông Nam Á, thứ 14 trên Thế Giới.

B. Thứ 2 Đông Nam Á, thứ 13 trên Thế Giới.

C. Thứ 2 Đông Nam Á, thứ 14 trên Thế Giới.

D. Thứ 3 Đông Nam Á, thứ 13 trên Thế Giới.

Câu 88. Thế mạnh của nguồn lao động nước ta là

A. ý thức trách nhiệm rất cao

B. nhiều công nhân kĩ thuật lành nghề

C. chất lượng lao động ngày càng tăng

D. lao động có trình độ trên đại học chiếm tỉ lệ lớn

Câu 89. Lao động nước ta giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực

A. nông – lâm – ngư nghiệp.

B. du lịch.

C. công nghiệp – xây dựng.

D. thương mại.

Câu 90. Tỉ lệ thất nghiệp của lao động nước ta chủ yếu ở khu vực

A. miền núi.

B. đồng bằng.

C. thành thị.

D. nông thôn.

Câu 91. Tỉ lệ thiếu việc làm của lao động nước ta chủ yếu ở khu vực

A. miền núi.

B. đồng bằng.

C. thành thị.

D. nông thôn.

Câu 92. Cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế của nước ta có sự thay đổi theo hướng

A. tăng tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp, giảm tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ

B. giảm tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp, tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ ít thay đổi

C. giảm tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp, tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ

D. tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp ít thay đổi

Câu 93. Vấn đề việc làm của nước ta vẫn còn gay gắt, biểu hiện ở

A. tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm cao

B. công nhân kĩ thuật lành nghề ngày càng tăng

C. phát triển mạnh các ngành công nghiệp ở đô thị

D. phát triển nhiều ngành nghề truyền thống ở nông thôn

Câu 94. Cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn của nước ta có sự thay đổi theo hướng

A. giảm tỉ trọng lao động thành thị

B. tăng tỉ trọng lao động nông thôn

C. giảm tỉ trọng lao động nông thôn

D. lao động thành thị ít biến động

Câu 95. Lao động nước ta tập trung chủ yếu ở ngành

Nguyễn Trường Thái

A. công nghiệp – xây dựng.

B. nông - lâm – ngư.

C. thương mại.

D. du lịch.

Câu 96. Quá trình đô thị hóa ở nước ta chững lại ở giai đoạn

A. 1945 – 1954.

B. 1954 – 1975.

C. 1965 – 1972.

D. 1975 – 1986.

Câu 97. Quá trình đô thị hóa nước ta có chuyển biến khá tích cực trong thời kỳ

A. Pháp thuộc.

B. 1945 – 1954.

C. 1954 – 1975.

D. 1975 đến nay.

Câu 98. Quá trình đô thị hóa nước ta giai đoạn 1945 – 1954 có đặc điểm là

A. chuyển biến khá tích cực

B. phát triển theo hai xu hướng khác nhau ở miền Bắc và miền Nam

C. diễn ra chậm, không có thay đổi nhiều

D. chững lại, không có thay đổi nhiều

Câu 99. Căn cứ vào cấp quản lí, nước ta có các đô thị trực thuộc trung ương là

A. Cần Thơ, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Dương, Hà Nội

B. Cần Thơ, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Hà Nội

C. Cần Thơ, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Thanh Hóa, Hà Nội

D. Cần Thơ, Tp. Hồ Chí Minh, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Hà Nội

Câu 100. Đô thị đầu tiên ở nước ta là

A. Cổ Loa.

B. Phú Xuân.

C. Hội An.

D. Phố Hiến

Còn nữa....